TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN P** THÀNH PHỐ H	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 461/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 05 - 6 – 2023.
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN P, THÀNH PHỐ H

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Thức;

2. Bà Nguyễn Thị Thanh Trang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Duy – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận P, Thành phố H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P, Thành phố H tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thúy Hà.

Trong ngày 05 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận P, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 792/2022/HNST ngày 15 tháng 7 năm 2022 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 270/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 338/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Duy Q (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: số x đường T, phường T, quận P, Thành phố H.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu N (vắng mặt).

Địa chỉ: số x đường T, phường T, quận P, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 10/5/2022; các bản tự khai ngày 13/5/2022, ngày 22/12/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Đỗ Duy Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng ông Q, bà N tự nguyện sống chung và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh G theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 41/2009 Quyển số 01 ngày 20/4/2009. Sau ngày cưới vợ chồng sống chung hòa thuận nhưng đến khoản đầu năm 2022 phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân chính theo trình bày của ông Q là do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung nên thường xuyên cãi vả, do bà N theo tôn giáo, cuồng tín và cực đoan, thường xuyên ép buộc các con phải đọc kinh cả ngày lẫn đêm nên không khí gia đình ngột ngạt, căng thẳng, mệt mỏi; vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ đầu năm 2022 đến nay, trong thời gian ly thân không ai thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng khó hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy ông Q yêu cầu được ly hôn với bà Nguyên.

Về con chung: Ông Q khai nhận quá trình chung sống có 02 con chung tên Đỗ Triệu M, sinh ngày 07/12/2000, Đỗ Vịnh L, sinh ngày 16/10/2008; Hiện 02 trẻ đang sống chung với với ông Q. Nếu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà N thì ông yêu cầu được nuôi 02 trẻ và không yêu cầu bà N trợ cấp nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án nhân dân quận P đã tiến hành hòa giải nhưng bà Nguyễn Thị Thu N vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Nguyên đơn: Ông Đỗ Duy Q có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu N vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P tham gia phiên tòa trình bày ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng như sau: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận P nhận xét quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, thu thập chứng cứ xét xử, thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục theo đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của ông Q, về quan hệ hôn nhân ông Q được ly hôn bà N. Ông Q và bà N sinh được 02 con tên Đỗ Triệu M, sinh ngày 07/12/2000, Đỗ Vịnh L, sinh ngày 16/10/2008. Hiện ông Q đang trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung. Quá trình giải quyết vụ án 02 con chung đều được xin ở với ông Q. Xét thấy để đảm bảo quyền lợi của các trẻ và theo nguyện vọng của các trẻ đề nghị Tòa án giải quyết giao 02 con chung cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng. Do ông Q không yêu cầu cấp dưỡng nên đề nghị hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với bà N. Về tài sản chung, nợ chung ông Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2009 Quyển số 01 ngày 20/4/2009 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh G thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông Đỗ Duy Q và bà Nguyễn Thị Thu N là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay ông Q yêu cầu ly hôn, bà Nguyên hiện đang cư ngụ tại quận P, Thành phố H trước khi thụ lý nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quận P, Thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Thủ tục xét xử vắng mặt Đương sự:

[2.1] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Bị đơn đã được Tòa án tiến hành một số biện pháp tố tụng như tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử nhưng bị đơn vẫn cố tình trốn tránh. Do đó, Tòa án nhân dân quận P tiến hành đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 177; khoản 2 Điều 220; khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 3 Điều 233 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Về thủ tục xét xử vắng mặt nguyên đơn: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Căn cứ vào khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét việc ông Đỗ Duy Q yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu N:

Căn cứ lời khai của ông Đỗ Duy Q xét thấy tình trạng mâu thuẫn hôn nhân giữa ông Q và bà N là có thật. Cuộc sống vợ chồng có xảy ra những mâu thuẫn, nguyên nhân do bà N không quan tâm chăm sóc gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và cuộc sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tòa án cũng đã tiến hành hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà N vắng mặt. Điều đó thể hiện bà N không thiết tha trong việc hàn gắn tình cảm vợ chồng. Ông Q và bà N sống ly thân từ từ đầu năm 2022 đến nay, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm ai. Mặt khác, ông Q cho rằng hiện nay không còn tình cảm với bà N. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng ông Q và bà N đã thực sự trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn. Ông Q yêu cầu ly hôn bà N là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung:

Ông Q và bà N sinh được 02 con tên Đỗ Triệu M, sinh ngày 07/12/2000 và Đỗ Vịnh L, sinh ngày 16/10/2008. Nếu Tòa án giải quyết cho ông Q ly hôn với bà N thì ông xin được nuôi 02 con và không yêu cầu bà N cấp

dưỡng nuôi con. Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, con chung sống với ông Q. Quá trình giải quyết vụ án cả 02 con chung đều được xin ở với ông Q. Xét thấy để đảm bảo quyền lợi của các trẻ và theo nguyện vọng của các trẻ. Hội đồng xét xử nghĩ giao 02 con chung cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con:

- Xét ông Q không yêu cầu cấp dưỡng. Do đó, hội đồng xét xử tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà N.

[3.4] Về quan hệ tài sản và nợ chung:

Xét ông Q không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí:

Ông Đỗ Duy Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0035934 ngày 15/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

***** Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

***** Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn ông Đỗ Duy Q:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Duy Q được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thu N.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Đỗ Duy Q và bà Nguyễn Thị Thu N theo Giấy chứng nhận kết hôn số 41/2009 Quyển số 01 ngày 20/4/2009 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện L, tỉnh G cấp chấm dứt hiệu lực kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

- Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Đỗ Triệu M, sinh ngày 07/12/2000, Đỗ Vịnh L, sinh ngày 16/10/2008. Giao 02 con chung cho ông Q trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bà N.

+ Trong trường hợp ông Q không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, một trong hai bên hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

+ Bà N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Ông Q cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở một trong hai bên trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

+ Trường hợp bà N lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì một trong hai bên có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

+ Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Do ông Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2/ Về án phí:

Ông Đỗ Duy Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2021/0035934 ngày 15/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận P.

3/ Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND Tp. H;
- VKSND quận P;
- UBND xã A, huyện L, tỉnh G;
- Chi cục THADS quận P;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Đức Thành